

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05-7-2023
V/v tranh chấp “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Chính.

Bà Tạ Huyền Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 89/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023 về tranh chấp “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Tú Q, sinh năm 1971.

Địa chỉ cư trú: Ấp Kinh 17, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông Nguyễn Trường S, sinh năm 1969.

Địa chỉ cư trú: Ấp Kinh 17, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 4 năm 2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Bùi Thị Tú Q trình bày yêu cầu:

- Về hôn nhân: Bà Bùi Thị Tú Q và ông Nguyễn Trường S có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 1991, hôn nhân có tổ chức đám cưới gả theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Lý do ly hôn: Lúc đầu chung sống vợ chồng hạnh phúc, đến năm 2020 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không hạnh phúc nên bà Bùi Thị Tú Q yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trường S.

- Về nuôi con: Vợ chồng có hai người con chung, cháu Nguyễn Trường T, sinh năm 1992 và cháu Nguyễn Thị Tú A, sinh năm 1997. Các người con hiện nay đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và công nợ: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn ông Nguyễn Trường S:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông S không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc bà Q yêu cầu ly hôn, về việc nuôi con, chia tài sản chung và công nợ; Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông S vẫn vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Bà Bùi Thị Tú Q yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trường S ngoài ra không có yêu cầu gì khác. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; do ông S cư trú tại ấp Kinh 17, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau nên căn cứ Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Bà Bùi Thị Tú Q có đơn xin vắng mặt phiên xét xử vì đang làm công nhân tại tỉnh Đồng Nai, điều kiện xin nghỉ phép và đi lại khó khăn, yêu cầu này của đương sự là chính đáng và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Nguyễn Trường S đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt phiên xét xử không lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông S.

[2]. Về nội dung vụ án

- Về hôn nhân: Bùi Thị Tú Q và ông Nguyễn Trường S có thời gian tìm hiểu và chung sống như vợ chồng vào năm 1991, hôn nhân có tổ chức đám cưới gả theo phong tục tập quán của địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Quá trình chung sống, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng ly thân từ năm 2020 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà Q yêu cầu ly hôn với ông S, ông S không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu của bà Q. Hội đồng xét xử xét thấy, bà Q và ông S chung sống như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn đã vi phạm Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy quan hệ của bà Bùi Thị Tú Q và ông Nguyễn Trường S không được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình 2014.

- Về nuôi con: Bà Q và ông S có hai người con chung, cháu Nguyễn Trường T, sinh năm 1992 và cháu Nguyễn Thị Tú A, sinh năm 1997

Nguyễn Trường T, sinh năm 1992;

Nguyễn Thị Tú A, sinh năm 1997.

Hiện nay, hai người con đã trưởng thành nên khi ly hôn bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông S không có ý kiến đối với việc nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét trách nhiệm nuôi con của các đương sự.

- Về tài sản chung và công nợ: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, căn

cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Bà Bùi Thị Tú Q phải chịu 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà Q được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 147, 220, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 14, Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Bùi Thị Tú Q và ông Nguyễn Trường S.

- Về nuôi con: Bà Q và ông S có hai người con chung.

Nguyễn Trường T, sinh năm 1992;

Nguyễn Thị Tú A, sinh năm 1997.

Hiện nay các người con đã trưởng thành nên khi ly hôn các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản chung và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, bà Bùi Thị Tú Q phải chịu 300.000 đồng, bà Q được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0016088 ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn, không phải nộp thêm án phí.

- Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền